

# QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG HIẾN PHÁP NĂM 2013

BÙI QUANG HIỆP \*

**Tóm tắt:** Kế thừa và tiếp tục phát triển lý luận nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam của Đảng, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định và làm rõ bản chất nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trên tinh thần đó, Hiến pháp sửa đổi năm 2013 lần đầu tiên đã bổ sung, sửa đổi nhằm thể chế hóa nhiều nội dung mới, tiến bộ, xuyên suốt trong Hiến pháp vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong đó, nổi bật là hiến định các chương về tổ chức bộ máy nhà nước; quyền con người; quyền công dân và vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Từ khóa:** Hiến pháp; nhà nước pháp quyền; nhân dân; quyền con người.

Hiến pháp sửa đổi năm 2013 (có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2014) là đạo luật cơ bản, đạo luật gốc của quốc gia, phản ánh ý nguyện của nhân dân, thể chế hóa các quan điểm của Đảng Cộng sản. Trong Hiến pháp chứa đựng nhiều quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và các đặc trưng, cách thức tổ chức quyền lực, nền dân chủ vì mục tiêu đề cao quyền con người, quyền công dân được thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 với những nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân*

*dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.*

Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Hiến pháp năm 2013 khẳng định bản chất của nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân (Điều 2, Hiến pháp năm 2013), Hiến pháp khẳng định chủ quyền nhân dân, cũng có nghĩa Hiến pháp là một văn bản ủy quyền. Người dân là chủ thể tối cao của quyền lực, nhưng do những lý do thực tế, nhân dân không thể trực tiếp hành xử toàn bộ quyền lực của mình mà thông qua Hiến pháp, nhân dân ủy quyền cho Nhà nước để Nhà nước đại diện nhân dân hành xử quyền lực theo

ý chí của nhân dân<sup>(1)</sup>. Đây là sự tiếp tục quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về việc đề cao chủ quyền của nhân dân trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Về vấn đề này, so với các Hiến pháp trước đây, Hiến pháp sửa đổi năm 2013 có những nội dung mới; thể hiện nhận thức sâu sắc, đầy đủ, nhất quán và xuyên suốt, bổ sung đầy đủ các hình thức nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước, không chỉ bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân như quy định của các Hiến pháp trước đây, mà bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”. Điều 29 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu dân ý”. Do vậy, các quy định cơ bản về bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân được hiến định đã thể chế các quan điểm của Đảng về quyền làm chủ của nhân dân đối với nhà nước cũng như thực hiện quyền làm chủ của mình trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp năm 2013 tái khẳng định quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân và

bổ sung: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước” (khoản 1 Điều 28). “Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân” (khoản 2 Điều 28).

*Thứ hai, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội.*

Trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: nhân dân Việt Nam là chủ thể “xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Để thực hiện mục tiêu này, vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất được đưa ra đó là đề cao hiệu lực của Hiến pháp, bảo vệ giá trị của Hiến pháp, thực hiện và thông qua Hiến pháp. Thông qua Hiến pháp, giao quyền, ủy quyền quyền lực nhà nước của mình cho Nhà nước. Vì lẽ đó muốn xây dựng nhà nước pháp quyền, Nhà nước dùng pháp luật để quản lý thì bắt buộc phải đề cao giá trị của Hiến pháp và pháp luật, trong đó tính thượng tôn của Hiến pháp được coi là thước đo đầu tiên của nhà nước pháp quyền với vị trí pháp lý hạt nhân là nguyên tắc, quy định cơ bản nhất trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị,

(\*) Thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(1) Xem: Bùi Ngọc Sơn (2012), *Góp bàn sửa đổi Hiến pháp ở Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.141.

xã hội và con người. Trong nhà nước pháp quyền, ý chí của nhân dân và sự lựa chọn chính trị được xác lập một cách tập trung nhất, đầy đủ nhất và cao nhất bằng Hiến pháp. Sự hiện diện của Hiến pháp là điều kiện quan trọng nhất bảo đảm sự ổn định xã hội và sự an toàn của người dân.

Điều 119 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp”; “Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý”; “Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định”. Đây chính là cơ sở hiến định để xây dựng cơ chế tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp một cách hiệu quả hơn thể hiện sâu sắc quan điểm nhà nước pháp quyền. Ngay bản thân hệ thống các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ chức năng của mình cũng phải tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp với tư cách bảo vệ các giá trị của nhân dân được ủy thác, khế ước thành các quy phạm Hiến pháp. Đây cũng chính là nghĩa vụ và trách nhiệm của bộ máy nhà nước và đội ngũ công vụ đại diện và nhân danh nhân dân thực thi công vụ. Để đảm bảo việc tôn trọng và thực hiện Hiến pháp và pháp luật vì mục tiêu công bằng lợi ích của nhân dân trước pháp luật thì vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước cũng cần phải được sắp xếp,

tổ chức hoàn chỉnh, có cơ chế kiểm soát và thực hiện chức năng, mục tiêu rõ ràng. Vì vậy, khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Cùng với việc hiến định nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước với đủ ba yếu tố phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên kể từ sau Hiến pháp năm 1946, đã xác định rành mạch: Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp và Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Đồng thời, cũng lần đầu tiên Hiến pháp năm 2013 khẳng định và tiếp tục làm sâu sắc chức trách cao quý, riêng có của Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, đó là: “Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” (Điều 102), đây chính là những nhóm quyền quan trọng được quy định trong Hiến pháp và nhu cầu cần phải có hệ thống cơ quan tư pháp công chính đề cao, bảo vệ.

Điều 8 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật,

quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, pháp luật phải trở thành phương thức quan trọng đối với tính chất và hoạt động của Nhà nước và là thước đo giá trị phổ biến của xã hội (công bằng, dân chủ, bình đẳng). Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự và kỷ cương pháp luật. Pháp luật thể chế hóa các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế nhà nước pháp quyền.

Những quan điểm lớn, những nội dung cơ bản của Hiến pháp là cơ sở pháp lý quan trọng cho sự duy trì quyền lực nhà nước, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Như vậy, về bản chất nhân dân là chủ thể làm ra Hiến pháp, thông qua Hiến pháp có hiệu lực để bảo vệ và đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Hai mệnh đề này có quan hệ biện chứng không tách rời nhau và là nội dung cốt lõi của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôn trọng tính tối thượng của Hiến pháp là yêu cầu đặt ra với tất cả các chủ thể, tổ chức, cá nhân trong xã hội, không có loại trừ, cũng như không có ngoại lệ, đặc quyền vượt lên trên Hiến pháp.

*Thứ ba, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, và các quyền tự do của công dân.*

Vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mở rộng quyền dân chủ, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, giữa công dân với Nhà nước luôn được Đảng ta dành sự quan tâm đặc biệt. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân”<sup>(2)</sup>; “Xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”. Trên tinh thần đó, kế thừa Hiến pháp năm 1946 và tinh hoa tư tưởng nhân loại, trong khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Hiến pháp năm 2013 đã sử dụng hai thuật ngữ “mọi người” và “công dân” cho việc chế định các quyền con người và quyền công dân. Hiến pháp năm 2013 đã nâng tầm chế định quyền

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.52.

con người, quyền công dân thành một chương. So với hiến pháp của nhiều quốc gia, Hiến pháp năm 2013 của nước ta thuộc vào những hiến pháp ghi nhận một số lượng cao về quyền con người. Hiến pháp đã dành 36 điều ở Chương II trên tổng số 120 điều của Hiến pháp cho việc chế định trực tiếp các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Ngoài ra, Hiến pháp năm 2013 còn dành một số điều chế định sự bảo hộ hay bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản hợp pháp, sử dụng đất, lao động và việc làm (Điều 51, 54, 57). Việc sắp xếp quyền con người phù hợp với việc sắp xếp các nhóm quyền của luật nhân quyền quốc tế là quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa<sup>(3)</sup>. Hiến pháp năm 2013 chế định một số quyền mới, như: quyền sống (Điều 19); các quyền về nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40); quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (khoản 2 Điều 17). Quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền vì mục tiêu con người, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của Đảng ta được Hiến pháp năm 2013 đặc biệt thể chế hóa với nhiều quy định mới, thể hiện giá trị con người với các

quy định Hiến định tiến bộ, khẳng định sâu sắc hơn bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Một trong những chế định quan trọng để bảo vệ quyền con người, quyền công dân đem lại công lý đó chính là chế định các nguyên tắc hoạt động của Tòa án. Trong Văn kiện Đại hội Đảng XI yêu cầu: “Đẩy mạnh chiến lược cải cách tư pháp 2020 xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”<sup>(4)</sup>. Điều 20 Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử hiến pháp nước ta, đã chế định về cấm tra tấn nói riêng và cấm bất kỳ hình thức bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của mọi người, đồng thời buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải công bằng và khách quan trong việc tìm chứng cứ, coi trọng cả chứng cứ buộc tội, cả chứng cứ gỡ tội. Hiến pháp năm 2013 đã dành riêng Điều 103 để quy định về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án. Cả 7 khoản của Điều này đều có những nội dung mới, mang tính đột phá. Nguyên tắc độc lập xét xử được bổ sung quy định: “Nghiêm

<sup>(3)</sup> Nguyễn Thanh Tuấn (2014), “Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, số ra ngày 30 tháng 9.

<sup>(4)</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, *sđd*, tr.250.

cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” (khoản 2 Điều 103). Quan trọng hơn, để bảo đảm thực thi nguyên tắc tranh tụng, Hiến pháp năm 2013 đã hoàn thiện đáng kể quy định về quyền bào chữa, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong các quá trình tố tụng. Khoản 7 Điều 103 quy định: “Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm”. Quy định này vừa là sự ghi nhận quyền con người phải được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm trong tố tụng tư pháp, vừa là một phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Không chỉ thế, quyền bào chữa và phương thức thực hiện quyền bào chữa trong suốt quá trình tố tụng hình sự còn được quy định rõ, cụ thể tại khoản 4 Điều 31: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”. Cùng với nguyên tắc tranh tụng và quyền bào chữa của bị can, bị cáo được xác lập, mở rộng, nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng chuẩn xác hơn, minh bạch và pháp quyền hơn bằng các quy định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực”

(khoản 1 Điều 31); người bị buộc tội “phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai” (khoản 2 Điều 31). Quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, được phục hồi danh dự do hành vi trái pháp luật của những cơ quan và người tiến hành tố tụng cũng được quy định cụ thể và mở rộng phạm vi, khoản 5 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật”.

Có thể nói, những điểm mới về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý cực kỳ quan trọng, định hướng cho những thay đổi của luật pháp nước ta về quyền con người, đồng thời các quy định mới trong hoạt động tố tụng và nguyên tắc xét xử của Tòa án góp phần làm giảm bớt những sai sót của quá trình thực thi pháp luật.

*Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà*

nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định và nhấn mạnh: “Đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới tư duy và quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật. Tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hoàn thiện cơ chế để tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp”<sup>(5)</sup>.

Xuất phát từ bản chất của Nhà nước ta là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” (khoản 1 Điều 2), Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa, bổ sung một nguyên tắc mới về tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta, đó là quyền lực nhà nước là thống nhất, không chỉ được phân công, phối hợp mà còn có sự kiểm soát trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (khoản 3 Điều 2). Thuật ngữ “kiểm soát” lần đầu tiên được hiến định đã làm sâu sắc hơn tư duy pháp quyền trong tổ chức bộ máy nhà nước ta, cũng như tính tuân thủ và trách nhiệm của các cơ quan quyền lực

nhà nước đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Đây là một trong những nguyên tắc nền tảng về tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Bởi nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, nên nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước là một tất yếu, một đòi hỏi chính đáng. Đó là cơ sở để hình thành cơ chế nhân dân giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước mà mình đã trao cho nhà nước. Kiểm soát quyền lực nhà nước là vấn đề khó khăn và phức tạp, bởi kiểm soát quyền lực nhà nước, một mặt, là để phòng, chống sự tha hóa và lạm dụng quyền lực nhà nước, nhưng mặt khác, làm sao để không phải vì kiểm soát quyền lực nhà nước mà làm mất đi tính năng động, mềm dẻo cần phải có trong thực hiện chức năng của Nhà nước. Vì thế, vấn đề cơ bản của kiểm soát quyền lực nhà nước là làm cho bộ máy nhà nước vừa có khả năng kiểm soát được xã hội, lại vừa không kém phần quan trọng là buộc Nhà nước phải tự kiểm soát được chính mình. Kiểm soát quyền lực nhà nước là một nguyên tắc tất yếu trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền. Để kiểm soát được quyền lực nhà nước, đòi hỏi phải hình thành cơ chế bao gồm kiểm soát quyền lực nhà nước ở bên trong bộ máy nhà nước; giữa ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và trong nội bộ mỗi quyền, kiểm

<sup>(5)</sup> *Sđd*, tr.141 - 142.

soát quyền lực nhà nước ở bên ngoài. Kiểm soát của nhân dân được thực hiện thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng và cá nhân công dân. Trên cơ sở thể chế hóa Văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XI, vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chương về tổ chức bộ máy của Hiến pháp năm 2013<sup>(6)</sup>.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (sửa đổi, bổ sung năm 2011) đều có bổ sung quan tâm vấn đề kiểm soát quyền lực trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Theo đó, nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được hoàn thiện một bước quan trọng. Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa ba quyền và quyền lực nhà nước là một quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo trong thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã*

<sup>(6)</sup> Nguyễn Sinh Hùng (2014), “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần và nội dung của Hiến pháp mới”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ra ngày 9 tháng 4.

*hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.*

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân là một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI nhấn mạnh: “Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua nhà nước”<sup>(7)</sup>. Vai trò lãnh đạo của Đảng được hiến định tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung và làm sâu sắc hơn so với quy định trong các bản Hiến pháp trước đó. Khoản 1 Điều 4 tiếp tục khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Một trong những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đặc trưng này càng thể hiện bản chất nhân dân trong nhà nước pháp quyền. Trong Hiến Pháp khẳng định rõ mục tiêu, lý tưởng và tính đại diện của Đảng ta là vì lợi ích của nhân dân và tâm nguyện trung thành với lợi ích của nhân dân. Vì vậy,

để đảm bảo trong hoạt động lãnh đạo của mình luôn vì dân và chịu trách nhiệm chính trị trước nhân dân, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung khoản 2 Điều 4 quy định mới: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình”. Để thực hiện được quy định này, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI đã xác định: “Hoàn thiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng và Nhà nước nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án quan trọng. Quy định chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trước nhân dân”<sup>(8)</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, như vậy, với tính chất của nhà nước pháp quyền như phần trên đã phân tích phải coi trọng và tôn trọng tính thượng tôn của Hiến pháp, quy phạm Hiến pháp là quy phạm có giá trị hiệu lực cao nhất trong các quy phạm xã hội. Khi quy phạm Hiến pháp còn hiệu lực thì ngay cả quy phạm của Đảng cũng không được vượt lên trên Hiến pháp, trái với Hiến pháp. Mặc dù là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội nhưng “các tổ chức Đảng và đảng viên Đảng Cộng

sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” (khoản 3 Điều 4 Hiến pháp năm 2013). Quy định này bổ sung mới so với các bản Hiến pháp trước đó là quy định rõ thêm không chỉ có tổ chức Đảng, mà ngay cả từng đảng viên trong hoạt động và hành vi của mình cũng phải tôn trọng và thực hiện đúng Hiến pháp và pháp luật, không có ngoại lệ và đặc quyền vượt lên trên Hiến pháp và pháp luật.

Trong nhiều Văn kiện của Đảng, đặc biệt là Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trên tinh thần đó Hiến pháp sửa đổi năm 2013 đã bổ sung và “nâng cao nhận thức về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” nhằm đẩy mạnh, hiện thực việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Việc hiến định quan điểm của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền cho thấy mối quan hệ biện chứng không tách rời giữa quan điểm, đường lối của Đảng với pháp luật của Nhà nước và ý chí của nhân dân. Trong mối quan hệ này thì ý chí của nhân dân là hạt nhân, Hiến pháp là điểm quy tụ trên cơ sở nhận sự lãnh đạo và thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thông qua nhà nước để pháp lý hóa, hiện thực hóa ý chí của nhân dân trên phạm vi cả nước đối với mọi chủ thể. Khi Hiến pháp đã có hiệu lực, vấn đề

<sup>(7)</sup> *Sđd*, tr.144.

<sup>(8)</sup> *Sđd*, tr.145 - 146.

quan trọng hơn là tôn trọng, hiện thực hóa và bảo vệ các quy định của Hiến pháp trong đời sống xã hội. Tôn trọng Hiến pháp, bảo vệ Hiến pháp chính là bảo vệ và nâng cao tầm uy tín của Đảng, nâng cao năng lực quản lý của nhà nước, quản trị xã hội của Chính phủ và qua đó quy tụ được lòng tin và sức mạnh của quần chúng nhân dân và các lực lượng xã hội để phát triển đất nước.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đào Trí Úc (2005), *Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Dung (2005), *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Đoan (2002), “Bảo đảm

tính tối cao của Hiến pháp trong nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 5.

4. Đào Trí Úc và Nguyễn Như Phát (chủ biên) (2007), *Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng tài phán Hiến pháp ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

5. Nguyễn Như Phát (Chủ biên) (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về sửa đổi Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Bùi Ngọc Sơn (2004), *Tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

7. Phạm Hồng Thái (2012), “Quyền lực nhân dân và quyền lực nhà nước qua các Hiến pháp Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 1, 2.